TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn B.

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Du Thị Thanh T - sinh năm 1996; địa chỉ: 311 ấp TĐ, xã AH, huyện CT, tỉnh BT. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiếng G - sinh năm 1992; địa chỉ: ấp TT, xã HKTB, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Du Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Du Thị Thanh T và ông Nguyễn Tiến G tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh BT ngày 23/3/2021. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường xuyên cải vã, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi nhưng không hàn gắn được. Cụ thể, vào tháng 5/2022, vợ chồng ông

bà có cự cãi do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân 02 tháng, sau đó thì có trao đổi hàn gắn lại nhưng cuộc sống cứ tiếp tục phát sinh mâu thuẩn. Hiện tại, vợ chồng bà T và ông G đã sống ly thân, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, cả hai bên cũng không có trao đổi hàn gắn gì.

Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà ly hôn với ông G và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà T và ông G có một người con chung tên Nguyễn Du Tuệ Ng, sinh ngày 29/9/2021, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc người con chung của ông bà và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tiếng G vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70,71 của BLTTDS. Riêng bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS, không có mặt theo thông báo của Tòa án theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông G.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Du Tuệ Ng, sinh ngày 29/9/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Du Thị Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Nguyễn Tiếng G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông G là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật

Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình (HNGĐ) năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Du Thị Thanh T và ông Nguyễn Tiếng G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh BT vào ngày 23/3/2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Tiếng G, nguyên nhân chính bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, bà đã cố gắng hàng gắn nhiều lần nhưng không được. Cụ thể bà T khai rằng vào khoảng tháng 02/2022, cuộc sống vợ chồng có cự cãi nên ông bà sống ly thân 02 tháng rồi sau đó có trao đổi hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng cứ tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Còn ông G mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải, nguyên đơn bà T và người thân trong gia đình ông G đã thông báo cho ông G biết thư mời của Tòa án, để tạo điều kiện động viên cho ông G và bà T có cơ hội hàn gắn gia đình, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc và cùng lo cho con, ông G vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông G là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HNGĐ năm 2014.

Ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà T và ông G có 01 người con chung tên Nguyễn Du Tuệ Ng, sinh ngày 29/9/2021, hiện cháu Ng đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, cháu Tuệ Ng từ nhỏ đã được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo và hiện tại đang sống chung với bà T, ông G cũng không có ý kiến yêu cầu gì về con chung, hơn nữa cháu Tuệ Ng hiện tại dưới 36 tháng tuổi. Do đó, HĐXX nhận thấy cần giao cháu Tuệ Ng cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo không xáo trộn cuộc sống của cháu Ng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật HNGĐ năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Du Tuệ Ng nên HĐXX không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông G không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Du Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Tiếng G. Cụ thể tuyên:

Bà Du Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Tiếng G.

Ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Du Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi một người con chung của bà và ông Nguyễn Tiếng G tên Nguyễn Du Tuệ Ng, sinh ngày 29/9/2021 (hiện đang sống chung với bà T).

Ghi nhận bà Du Thị Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Tiếng G cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông G có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: bà T khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông G không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Du Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001592 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện CL;*
- *UBND xã An Hiệp, huyện CT, BT;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu